

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ VÀ THIẾT BỊ ÁP LỰC- VVMI

-----o0o-----

BÁO CÁO
THƯỜNG NIÊN NĂM 2019

HÀ NỘI, THÁNG 02 NĂM 2020

Số: **348**/BC-APLUCO

Hà Nội, ngày **25** tháng 02 năm 2020

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Công ty cổ phần cơ khí và thiết bị áp lực - VVMI năm 2019

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: Công ty Cổ phần Cơ khí và Thiết bị áp lực - VVMI
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0102274810
- Vốn điều lệ: 12 000 000 000 đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 12 000 000 000 đồng
- Địa chỉ: số 506 đường Hà Huy Tập, Yên Viên, Gia Lâm, Hà Nội
- Số điện thoại: (024) 38272723
- Số fax: (024) 38780934
- Website: apluco.vn
- Mã cổ phiếu: **APL**

Quá trình hình thành và phát triển

Tiền thân của Công ty Cổ phần cơ khí và Thiết bị áp lực là Xí nghiệp thu hồi vật tư ứ đọng thuộc Công ty vật tư theo quyết định số 909 ĐT-NCĐLKT ngày 4/6/1974 của Bộ Điện và Than.

Ngày 8 tháng 6 năm 1981, Bộ trưởng Bộ Mỏ và Than ra Quyết định số 23/MT-TCCB3 tổ chức lại Công ty phục hồi thiết bị trực thuộc Bộ Mỏ và Than (Gồm bộ máy quản lý của cơ quan Công ty và Xí nghiệp thu hồi vật tư ứ đọng) thành Xí nghiệp thu mua và phục hồi vật tư thiết bị trực thuộc Công ty Vật tư kể từ ngày 01 tháng 07 năm 1981.

Đề phù hợp với tình hình sản xuất kinh doanh, ngày 30/6/1993 Bộ trưởng Bộ Năng lượng có quyết định số 467 NL-TCCB-LĐ thành lập Xí nghiệp kinh doanh vật,

tư và chế tạo bình áp lực trực thuộc Công ty Coalimex. Đến tháng 5/1995 chuyển sang trực thuộc Công ty Than Nội địa Tổng Công ty Than Việt Nam.

Tháng 10 năm 2004 Xí nghiệp Kinh doanh Vật tư và Chế Tạo Bình áp lực chuyển thành Công ty Cổ phần cơ khí và Thiết bị áp lực Than nội địa theo quyết định số 69/2004-QĐ-BCN ngày 30/7/2004 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp (nay là Công ty cổ phần cơ khí và thiết bị áp lực-VVMI)

- Các sự kiện khác

2. *Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:*

- Ngành nghề kinh doanh:

+ Gia công, chế tạo thiết bị áp lực và các sản phẩm Cơ khí.

+ Sửa chữa thiết bị cơ giới mỏ.

+ Kinh doanh hàng hóa, vật tư phục vụ khai thác mỏ.

- Địa bàn kinh doanh: Địa bàn kinh doanh chủ yếu tại các mỏ than tại tỉnh Quảng Ninh và tỉnh Thái Nguyên.

3. *Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:*

- Mô hình quản trị: Cơ chế quản trị công ty được xây dựng theo mô hình trực tuyến chức năng

(+) Đại hội đồng cổ đông

(+) Hội đồng quản trị

(+) Ban kiểm soát

(+) Ban giám đốc điều hành

- Cơ cấu bộ máy quản lý: 04 phòng chức năng, 02 phòng kinh doanh, 02 phân xưởng sản xuất.

(+) Các phòng chức năng:

* Phòng Tổ chức - Hành chính

* Phòng Kế toán – Thống kê – Tài chính

* Phòng Kế hoạch – Vật tư

* Phòng Kỹ thuật – Cơ điện – An toàn – Môi trường

(+) Các phòng trực tiếp kinh doanh

* Phòng Kinh doanh 1

* Phòng Kinh doanh 2

(+) Các phân xưởng sản xuất

* Phân xưởng Cơ khí - Phụ kiện hầm lò ✓

* Phân xưởng Sửa chữa

4. Định hướng phát triển

- Các mục tiêu chủ yếu của Công ty

+ Dự báo sản lượng khai thác và tiêu thụ than trong thời gian tới sẽ tiếp tục tăng cao nên ngành cơ khí trong tập đoàn là ngành có thể mạnh giữ vai trò quan trọng trong quá trình sản xuất than. Đây là cơ hội tốt để cho ngành cơ khí phát triển đặc biệt là chế tạo thiết bị áp lực, phụ kiện hầm lò và sửa chữa thiết bị cơ giới mỏ.

+ Duy trì ổn định sản xuất, cải tạo đổi mới công nghệ, mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm;

+ Tiếp tục hoàn thiện cơ cấu tổ chức, tăng cường quản trị chi phí với mô hình phù hợp, tiết kiệm chi phí;

+ Nâng cao hiệu quả hoạt động, nhằm tối đa hóa các khoản lợi nhuận hợp lý cho Công ty, tăng lợi tức cho cổ đông, tạo công ăn việc làm và thu nhập ổn định cho người lao động, đóng góp cho ngân sách Nhà nước và không ngừng phát triển Công ty ngày càng lớn mạnh.

- Chiến lược phát triển trung và dài hạn.

Ngành cơ khí là một trong những ngành được Đảng và Nhà nước đặc biệt quan tâm với vị trí là ngành công nghiệp nền tảng, có ý nghĩa chiến lược đối với sự phát triển nhanh, bền vững, nâng cao tính độc lập, tự chủ, đảm bảo khả năng tham gia sâu, có hiệu quả của nền kinh tế vào mạng sản xuất và phân phối toàn cầu. Chính vì vậy, trong Chiến lược phát triển ngành cơ khí Việt Nam giai đoạn 2001 – 2010 có xét đến năm 2020 của Bộ Công Thương, đã đề ra mục tiêu tổng quát đến năm 2025, ngành cơ khí Việt Nam có khả năng cạnh tranh để phát triển trong hội nhập, có công nghệ hiện đại và tham gia chuỗi giá trị toàn cầu ở một số phân ngành, lĩnh vực cơ khí có khả năng cạnh tranh, đáp ứng cơ bản các yêu cầu công nghiệp hóa của đất nước và xuất khẩu. Đến năm 2035, ngành cơ khí Việt Nam được phát triển với đa số các chuyên ngành có công nghệ tiên tiến, chất lượng sản phẩm đạt tiêu chuẩn quốc tế, tham gia sâu vào chuỗi giá trị toàn cầu... Chiến lược cũng đề ra mục tiêu cụ thể, đến năm 2025, tỷ trọng ngành cơ khí chiếm trên 21% và năm 2035 chiếm 24% trong cơ cấu ngành công nghiệp. Năm 2025, ngành cơ khí đáp ứng trên 50% nhu cầu thị trường trong nước và năm 2035 đáp ứng trên 60%. Dựa trên các định hướng công ty tiếp tục đầu tư mở rộng xưởng sản xuất, nâng cao năng lực thiết bị để đáp ứng yêu cầu của công việc, đẩy mạnh nghiên cứu sản phẩm mới, mở rộng thị trường ra ngoài ngành

5. Các rủi ro: Trong năm 2019 và các năm tiếp theo Công ty đang thiếu hụt lao động công nghệ trong lĩnh vực Sửa chữa và Cơ khí do công tác tuyển dụng gặp

nhiều khó khăn, nhưng với sự cố gắng và nỗ lực của tập thể ban lãnh đạo và người lao động Công ty sẽ phấn đấu hoàn thành kế hoạch đã đề ra.

II. Tình hình hoạt động trong năm

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh.

Năm 2019 tình hình kinh tế thế giới tiếp tục có nhiều khởi sắc nhưng bên cạnh đó sự phức tạp trong các xung đột chính trị, trừng phạt kinh tế vẫn diễn ra ở nhiều quốc gia, khu vực, quan hệ giữa các nước lớn tiếp tục căng thẳng...dẫn đến giá cả hàng hoá diễn biến phức tạp nên ảnh hưởng không nhỏ đến nền kinh tế các nước trong đó có Việt Nam.

Mặc dù vậy nền kinh tế trong nước trong năm 2019 vẫn tiếp tục duy trì đà phát triển, tăng trưởng GDP dự báo sẽ vượt mức so với yêu cầu đặt ra, việc cải cách môi trường đầu tư, kinh doanh tiếp tục được cải thiện đáng kể, hoạt động sản xuất kinh doanh ở các doanh nghiệp đã có những chuyển biến tích cực, lạm phát kinh tế được kiểm soát, an sinh xã hội được đảm bảo. Tuy nhiên nền kinh tế trong nước vẫn còn đối mặt với những khó khăn thách thức không nhỏ như giá cả một số mặt hàng tăng nhanh do nguồn cung hạn chế, tổng vốn cho đầu tư của các doanh nghiệp mặc dù đã có cải thiện nhưng vẫn còn thấp, tình hình thiên tai, mưa, lũ diễn biến phức tạp và bất thường làm ảnh hưởng xấu đến hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp và đời sống của một bộ phận dân cư.

Đối với Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam, tình hình thực hiện sản xuất kinh doanh năm 2019 đã có nhiều chuyển biến tích cực, công tác sản xuất và tiêu thụ than gặp nhiều thuận lợi, lượng than tồn kho giảm mạnh, giá thành khai thác than cũng được đảm bảo theo kế hoạch, chính vì thế mà nhu cầu mua sắm hàng hoá phục vụ sản xuất kinh doanh của các đơn vị trong Tập đoàn cũng tăng theo, nên tạo môi trường kinh doanh hàng hoá thuận lợi cho các đơn vị cung cấp dịch vụ trong đó có Công ty chúng ta.

Tuy nhiên bên cạnh những thuận lợi thì Công ty cũng gặp phải những khó khăn nhất định trong công tác sản xuất kinh doanh, giá bán một số sản phẩm hàng hoá tại một số thời điểm chưa kịp tăng so với việc tăng giá nguyên vật liệu đầu vào, nên hiệu quả kinh doanh chưa cao; việc sửa chữa thiết bị cho các đơn vị trong Tập đoàn cũng gặp nhiều khó khăn do lượng thiết bị các đơn vị đưa vào sửa chữa cùng một thời điểm nhiều nhưng năng lực sửa chữa thiết bị của Công ty vẫn còn hạn chế như nhân lực phục vụ cho sửa chữa vẫn còn thiếu, mặt bằng phục vụ sửa chữa chật hẹp dẫn đến một số thiết bị chậm tiến độ bàn giao cho khách hàng; một số sản phẩm hàng hoá khác Công ty tiếp tục phải cạnh tranh trực tiếp với các nhà cung cấp khác ở thị trường trong và ngoài Tập đoàn để bán hàng chính vì thế cũng đã ảnh hưởng đến việc tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa của Công ty.

Mặc dù gặp rất nhiều khó khăn trong sản xuất kinh doanh nhưng Công ty vẫn luôn nhận được sự quan tâm, tạo điều kiện của Tập đoàn, Tổng Công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV - CTCP, các đối tác trong và ngoài Tập đoàn về việc làm cho sản xuất cơ khí, sửa chữa thiết bị, kinh doanh vật tư hàng hoá, cùng với đó là sự cố gắng của bộ máy điều hành và đội ngũ làm công tác tìm kiếm thị trường nên Công ty vẫn duy trì ổn định công tác sản xuất kinh doanh, đảm bảo việc làm và thu nhập cho người lao động, hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch đề ra với kết quả cụ thể như sau: ✓

*** Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2019.**

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	KH	Thực hiện	% KH
I	SẢN XUẤT				
1	Sản xuất cơ khí				
	- Chế tạo thiết bị áp lực	Tấn	357	608	170.3
	- Chế tạo gông, thanh giằng	Tấn	3 421	3 019	88.2
	- Chế tạo lưới nóc lò	Tấn	1 730	1 631	94.3
	- Cầu máng cào	Cầu	1 818	4 077	224.3
	- Cơ khí khác	Tấn	1 190	1 028	86.4
	- Sửa chữa thiết bị	Cái	36	41	113.9
II	TỔNG DOANH THU	Tr.đ	350 000	503 704	143.92
1	DT khối Sản xuất	Tr.đ	170 000	182 876	107.57
2	DT khối Kinh doanh	Tr.đ	180 000	320 828	178.24
III	Nộp ngân sách nhà nước	tr.đ		14 093	
IV	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đ	2 800	3 395	121.26
V	Tiền lương bình quân 1CNV	đ.ng/thg	7 529 000	12 055 869	108.95
VI	Trả cổ tức 12% / vốn điều lệ 12tỷ	Tr.đ	1 440	1 440	100

2. Tổ chức và nhân sự

- Danh sách Ban điều hành: (Danh sách, tóm tắt lý lịch và tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành của Giám đốc, các Phó giám đốc, Kế toán trưởng và các cán bộ quản lý khác.

1. Ông Nguyễn Mạnh Tú – Giám đốc điều hành Công ty

Giới tính	Nam
Năm sinh	10/05/1978
Quê quán	Thái Học – Chí Linh – Hải Dương
Quốc tịch	Việt Nam
CMND	011 853 152
Ngày cấp/Nơi cấp	16/6/2006 Công an Hà Nội

Địa chỉ thường trú	Số 32A ngõ 168/23 Hào Nam, Ô Chợ Dừa, Đống Đa, Hà Nội
Điện thoại liên lạc	0904545453
Trình độ văn hóa	12/12
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Quản trị kinh doanh
Tổng số cổ phần nắm giữ tại tổ chức đăng ký giao dịch. Trong đó: - Số cổ phần sở hữu cá nhân: - Số cổ phần được Ủy quyền	654 cổ phần – tỷ lệ: 0,05% 654 cổ phần 0 cổ phần
Số cổ phần nắm giữ của những người có liên quan trong tổ chức đăng ký giao dịch:	Không

2. Ông Phạm Công Lộc – Phó giám đốc Công ty

Giới tính	Nam
Năm sinh	25/04/1962
Quê quán	Hoàng Hóa – Thanh Hóa
Quốc tịch	Việt Nam
CMND	012 745 360
Ngày cấp/Nơi cấp	08/10/2004 Công an Hà Nội
Địa chỉ thường trú	Số 24,ngách 484/74, Hà Huy Tập, Yên Viên, Gia Lâm, Hà Nội
Điện thoại liên lạc	0912346880
Trình độ văn hóa	12/12
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư Kinh tế cơ khí
Tổng số cổ phần nắm giữ tại tổ chức đăng ký giao dịch. Trong đó: - Số cổ phần sở hữu cá nhân: - Số cổ phần được Ủy quyền	23.382 cổ phần – tỷ lệ: 1,95% 23.382 cổ phần 0 cổ phần
Số cổ phần nắm giữ của những người có liên quan trong tổ chức đăng ký giao	4.000 cổ phần

dịch:	
-------	--

3. Ông Nguyễn Hữu Toàn – Phó giám đốc Công ty

Giới tính	Nam
Năm sinh	24/05/1968
Quê quán	Phường Đình Bảng – Từ Sơn – Bắc Ninh
Quốc tịch	Việt Nam
CMND	011 649 879
Ngày cấp/Nơi cấp	01/09/2005 Công an Hà Nội
Địa chỉ thường trú	Phòng 202, nhà B số 129, Thanh Nhân, Hai Bà Trưng, Hà Nội
Điện thoại liên lạc	0913 006 900
Trình độ văn hóa	12/12
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư Chế tạo máy
Tổng số cổ phần nắm giữ tại tổ chức đăng ký giao dịch. Trong đó: - Số cổ phần sở hữu cá nhân - Số cổ phần được Ủy quyền	4.800 cổ phần – tỷ lệ 0,40% 4.800 cổ phần 0 cổ phần
Số cổ phần nắm giữ của những người có liên quan trong tổ chức đăng ký giao dịch	2.836 cổ phần

4. Bà Đặng Thị Quỳnh Trang – Kế Toán Trưởng

Giới tính	Nữ
Năm sinh	11/12/1981
Quê quán	Xuân Canh, Đông Anh, Hà Nội
Quốc tịch	Việt Nam
CMND	012193615
Ngày cấp/Nơi cấp	17/09/2013 Công an Hà Nội
Địa chỉ thường trú	Số 24a, Ngõ 62, Hà Huy Tập, Yên Viên, Gia Lâm, Hà Nội

Điện thoại liên lạc	0915120181
Trình độ văn hóa	12/12
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Kinh tế - chuyên ngành Kế toán Doanh nghiệp
Tổng số cổ phần nắm giữ tại tổ chức đăng ký giao dịch. Trong đó: - Số cổ phần sở hữu cá nhân: - Số cổ phần được Ủy quyền	2 528 cổ phần – tỷ lệ: 0,21% 2 528 cổ phần
Số cổ phần nắm giữ của những người có liên quan trong tổ chức đăng ký giao dịch	Không

- Những thay đổi trong ban điều hành:

- Số lượng cán bộ, nhân viên. Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động.

+ Tổng số lao động có mặt tại thời điểm 31/12/2018 là 118 người

+ Công ty đã làm tốt các chế độ chính sách đối với người lao động, trong năm 2018 công ty đã ban hành hệ thống thang bảng lương mới đúng với quy định của Nhà nước. Triển khai rà soát và chuyển xếp lương theo đúng quy định.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

4. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019	% tăng giảm
<i>* Đối với tổ chức không phải là tổ chức tín dụng và tổ chức tài chính phi ngân hàng:</i>			
Tổng giá trị tài sản	153 332 508 764	155 992 248 719	101.73
Doanh thu thuần	370 444 530 083	503 704 407 427	135.97
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	2 907 657 446	3 395 244 699	116.77
Lợi nhuận khác			
Lợi nhuận trước thuế	2 802 121 175	3 395 244 699	121.17

Lợi nhuận sau thuế	1 886 292 913	2 280 883 515	120.92
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	12%/12 tỷ đồng	12%/12 tỷ đồng	100

- Các chỉ tiêu khác: (tùy theo đặc điểm riêng của ngành, của công ty để làm rõ kết quả hoạt động kinh doanh trong hai năm gần nhất.

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019	Ghi chú
<i>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i>			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn:	1.078	1.087	
Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn			
+ Hệ số thanh toán nhanh:	0.72	0.90	
Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho			
Nợ ngắn hạn			
<i>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i>			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0.89	0.89	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	8.6	8.52	
<i>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</i>			
- Vòng quay hàng tồn kho:			
+ Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân	9.62	12.74	
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	2.41	3.22	
<i>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</i>			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0.005	0.0045	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	0.157	0.1900	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0.012	0.0146	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	0.0078	0.00674	

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

a) Cổ phần:

- Tổng số cổ phần: 1.200.000 cổ phần ✓

- Loại cổ phần: Cổ phần phổ thông

b) Cơ cấu cổ đông:

Cơ cấu cổ đông tính đến ngày 31/12/2019.

TT	Loại cổ đông	Số lượng cổ đông	Số cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ/Vốn điều lệ
I	Cổ đông trong nước	107	1.200.000	100%
1	Cá nhân	106	588 000	49%
2	Tổ chức	1	612.000	51%
II	Cổ đông nước ngoài	0	0	0%

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không

e) Các chứng khoán khác: Không

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

a) Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm.

* Nguyên vật liệu sản xuất lưới thép

- Dây thép các loại: 1 626 032 kg

* Nguyên vật liệu sản xuất các sản phẩm cơ khí.

- Thép các loại: 2 276 913 kg

b) Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức.

6.2. Tiêu thụ năng lượng:

a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp.

- Tổng công suất điện năng tiêu thụ: 212 040 Kw/năm

Trong đó:

+ Điện năng tiêu thụ cho sản xuất: 163 470Kwh/năm

+ Điện năng tiêu thụ cho khu văn phòng: 48 570Kwh/năm

b) Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả.

c) Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng (cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo); báo cáo kết quả của các sáng kiến này. ✓

6.3. Tiêu thụ nước: (mức tiêu thụ nước của các hoạt động kinh doanh trong năm)

a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng Hiện nay công ty đang sử dụng.

- Lượng nước tiêu thụ cho sinh hoạt 480m³/ năm (Xí nghiệp nước sạch Gia Lâm)

- Lượng nước tiêu thụ cho sản xuất 36m³/ năm (nước giếng khoan)

b) Tỷ lệ phân trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng.

6.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:

a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: không có

b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: không có

6.5. Chính sách liên quan đến người lao động.

*** Người lao động tại Công ty tại thời điểm 31/12/2019**

TT	Chỉ tiêu	Số lượng(người)
1	Lao động quản lý	18
2	Lao động kỹ thuật, nghiệp vụ	9
3	Lao động phụ trợ	2
4	Lao động phục vụ	6
5	Lao động trực tiếp	83
Tổng cộng		118

*** Chính sách đối với người lao động:**

- Người lao động có đủ việc làm, năng suất lao động tăng, thu nhập đảm bảo, người lao động yên tâm công tác. Mức lương bình quân của cán bộ công nhân viên ngày càng được nâng lên cụ thể như sau.

+ Năm 2018: 7 899 055đồng/người/tháng.

+ Năm 2019: 12 055 869đồng/người/tháng.

- Công ty áp dụng chính sách đào tạo và bồi dưỡng nâng tay nghề bậc thợ theo chính sách lao động áp dụng với DN nhà nước. Sử dụng thang bảng lương mới do Công ty xây dựng dựa trên các văn bản hướng dẫn của ngành và hướng dẫn của Nhà nước, mức lương thấp nhất không thấp hơn lương tối thiểu vùng do nhà nước quy định.

- Công tác bồi dưỡng nghiệp vụ, nâng cao tay nghề cho người lao động luôn được quan tâm. ✓

- Có chính sách thu hút nhân tài, xây dựng chế độ lương, thưởng thích đáng với đội ngũ cán bộ giỏi; công nhân kỹ thuật có trình độ tay nghề cao và có những đóng góp tích cực trong sản xuất kinh doanh. Trả lương thu hút đối với những cán bộ công nhân viên có trình độ, năng lực nhằm thúc đẩy người lao động tăng năng suất lao động và đảm bảo các quyền và lợi ích tương xứng với công sức đóng góp của người lao động.

- Công tác định mức lao động, giao đơn giá tiền lương, nghiệm thu, quyết toán lương hàng tháng được thực hiện kịp thời. Tiền lương và thu nhập thực tế của người lao động được trả đầy đủ, kịp thời, đúng kỳ hạn và được thể hiện đầy đủ trong sổ lương của từng cá nhân và sổ lương doanh nghiệp.

- Các chế độ đối với người lao động được thực hiện đầy đủ kịp thời đúng quy định của Pháp luật và các quy chế của Công ty như: Việc quản lý hồ sơ của người lao động, giải quyết các thủ tục HĐLĐ, tiếp nhận, điều động, nghỉ hưu, chính sách về bảo hiểm xã hội, hưu trí, ốm đau thai sản, nghỉ dưỡng sức, nghỉ phép, điều dưỡng, bảo hộ lao động, bồi dưỡng độc hại...

6.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương.

Các hoạt động đầu tư cộng đồng và hoạt động phát triển cộng đồng khác, bao gồm hỗ trợ tài chính nhằm phục vụ cộng đồng

6.7. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN.

Lưu ý: (Mục 6 phần II Phụ lục này, công ty có thể lập riêng thành Báo cáo phát triển bền vững, trong đó các mục 6.1, 6.2 và 6.3 không bắt buộc đối với các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ tài chính, ngân hàng, chứng khoán, bảo hiểm).

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Năm 2019 cùng với HĐQT, Ban điều hành đã chỉ đạo sát sao và quyết liệt trong việc thực hiện nhiệm vụ của mình, đảm bảo duy trì hoạt động kinh doanh, điều hành quản lý và phát huy các nguồn lực về vốn, tài sản; sử dụng vốn đúng mục đích trong kinh doanh; tuân thủ các quy định của pháp luật trong kinh doanh, chấp hành đầy đủ nghĩa vụ tài chính với nhà nước theo quy định; quản lý chặt chẽ tài sản và nguồn vốn của Công ty; đảm bảo đủ việc làm và thu nhập cho người lao động. Hoàn thành hầu hết các chỉ tiêu kế hoạch đã đề ra cụ thể như sau:

- Tổng doanh thu: 503.704 tr.đồng/ 350.000 tr.đồng = 143.92%
- Nộp ngân sách nhà nước: 14 093 tr.đồng
- Tiền lương bình quân đ/ng/thg: 12 055 896 đồng/ 7 529 000 đồng = 160.13%
- Lợi nhuận trước thuế: 3 395 tr.đồng/2 800 tr.đồng = 121.26%
- Lợi nhuận sau thuế TNDN: 2 280 tr.đồng ✓

2. Tình hình tài chính.

a) Tình hình tài sản.

Tổng tài sản tại thời điểm 31/12/2019: 155 992 948 719 đồng

Trong đó: - Tài sản ngắn hạn: 151 846 254 378 đồng

- Tài sản dài hạn: 4 146 694 341 đồng.

b) Tình hình nợ phải trả.

* Tổng nguồn vốn tại thời điểm 31/12/2019: 155 992 948 719 đồng

Trong đó: - Nợ phải trả: 139 602 393 900 đồng

- Vốn chủ sở hữu: 16 390 554 819 đồng.

* Các chỉ tiêu tài chính:

- Hệ số bảo toàn vốn: $H = 1,03$

- Hệ số nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu: 8,51

- Hệ số thanh toán ngắn hạn: 1,087

- Hiệu quả sử dụng vốn:

+ Tỷ suất LN sau thuế /Vốn CSH (ROE): 13,915

+ Tỷ suất LN sau thuế/Tổng tài sản (ROA): 1,46

Nhìn vào các chỉ tiêu trên cho thấy, Công ty đã bảo toàn và phát triển được vốn, Công ty có đủ khả năng hoàn thành nghĩa vụ trả nợ của mình khi đến hạn.

- Những tiến bộ công ty đã đạt được.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

- Trong năm 2019 Công ty kiểm tra, rà soát lại các nội quy, quy chế, quy định, điều chỉnh cho phù hợp với thực tế đảm bảo chính xác trong công tác giao và nhận khoản tại các đơn vị.

- Năm 2019 được xác định là năm tiếp tục nâng cao đời sống người lao động để họ yên tâm công tác lâu dài tại công ty.

- Đầu tư có hiệu quả máy móc thiết bị hiện đại để nâng cao năng suất lao động, chất lượng sản phẩm, giảm bớt chi phí nhân công trong lúc lực lượng lao động đang giảm dần.

Lãnh đạo đặt ra những quan tâm giải quyết trước:

- Công tác cán bộ và đào tạo nguồn nhân lực

- Có quy chế kiểm soát chặt chẽ giá cả đầu vào

- Chất lượng sản phẩm đi kèm theo tiến độ sản xuất phải đảm bảo theo quy định ✓

- Ổn định đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

a. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020

- Doanh thu: 350 tỷ đồng
- Lợi nhuận: 3 tỷ đồng
- Cổ tức: 12 %
- Tổng thu nhập bình quân: 7 757 000 đồng/người/tháng.

b. Kế hoạch đầu tư và xây dựng cơ sở vật chất

5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán (nếu có) - (Trường hợp ý kiến kiểm toán không phải là ý kiến chấp thuận toàn phần)

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty

a. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải)

- Năm 2019 Công ty thực hiện tốt các cam kết trong Đề án bảo vệ môi trường, các chỉ tiêu về xả thải đạt tiêu chuẩn cho phép, môi trường làm việc được cải thiện, định kỳ tổ chức quan trắc và đánh giá tác động môi trường đến điều kiện làm việc tại công ty và khu vực xung quanh. Công ty đã làm thủ tục và được cấp giấy phép xả thải vào nguồn nước theo đúng quy định.

b. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động

- Công ty đã làm tốt các chế độ chính sách đối với người lao động. Tổ chức khám sức khỏe cho người lao động theo đúng quy định.

c. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương.

- Công ty đã làm tốt các mối quan hệ đối với địa phương, làm tốt công tác an ninh trật tự đảm bảo không để xảy ra mất trật tự tại nơi đơn vị đóng quân.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty (đối với công ty cổ phần)

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội

- Trong năm 2019 nhìn chung mọi hoạt động của Công ty có nhiều cố gắng. Cán bộ công nhân viên và người lao động đã có gắng vượt qua những khó khăn để hoàn thành kế hoạch đã đề ra.

- Công ty đã làm tốt công tác bảo vệ môi trường đặc biệt là môi trường làm việc cho người lao động trực tiếp sản xuất. Hàng năm tổ chức khám sức khỏe định kỳ theo đúng quy định. ✓

2. *Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty*

V. Quản trị công ty (Tổ chức không phải là tổ chức niêm yết không bắt buộc phải công bố các thông tin tại Mục này)

1. Ý kiến kiểm toán

- Ý kiến của kiểm toán độc lập: Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính vào ngày 31/12/2019, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty Cổ phần Cơ khí và Thiết bị áp lực – VVMI, được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Nơi nhận:

- NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Mạnh Tú